

Số: 14/2023/QĐ-UBND

Lai Châu, ngày 27 tháng 6 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Kéo dài thời hạn thực hiện và điều chỉnh, bổ sung một số nội dung
Quyết định số 17/2012/QĐ-UBND ngày 20/8/2012 của Ủy ban nhân
dân tỉnh phê duyệt Quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng
tỉnh Lai Châu, giai đoạn 2011-2020**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật điều chỉnh một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính
quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm
2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm
pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Quốc
hội về việc tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp
luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh
tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021-2030;*

*Căn cứ Nghị quyết số 12/2023/NQ-HĐND ngày 20/5/2023 của Hội đồng
nhân dân tỉnh kéo dài thời hạn thực hiện và điều chỉnh, bổ sung một số nội
dung Nghị quyết số 47/2012/NQ-HĐND ngày 13/7/2012 của Hội đồng nhân
dân tỉnh thông qua Quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Lai Châu, giai
đoạn 2011-2020;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ
trình số 1267/TTr-SNN ngày 16/6/2023.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Kéo dài thời hạn thực hiện và điều chỉnh, bổ sung một số nội
dung Quyết định số 17/2012/QĐ-UBND ngày 20 tháng 8 năm 2012 của Ủy ban
nhân dân tỉnh phê duyệt Quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Lai Châu, giai
đoạn 2011-2020. Cụ thể như sau:

1. Kéo dài thời hạn thực hiện Quyết định số 17/2012/QĐ-UBND đến khi
Quy hoạch lâm nghiệp quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050 (hoặc
Quy hoạch tỉnh) được phê duyệt.

2. Điều chỉnh một số nội dung Quyết định số 17/2012/QĐ-UBND, cụ thể:

a) Điều chỉnh nội dung bảo vệ rừng tại khoản 1 mục II Điều 1 như sau:

“Tập trung quản lý, bảo vệ 458.698,89 ha rừng hiện có (rừng đặc dụng 34.898,07 ha, rừng phòng hộ 255.943,72 ha, rừng sản xuất 167.808,54 ha và 48,56 ha là diện tích cây trồng khuôn viên tạo cảnh quan đô thị tại thành phố Lai Châu) và diện tích rừng tăng thêm hàng năm gắn với cung ứng và chi trả dịch vụ môi trường rừng, liên kết phát triển nông, lâm, ngư nghiệp kết hợp dưới tán rừng”.

b) Điều chỉnh nội dung phát triển rừng tại khoản 2 mục II Điều 1 như sau:

- Khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên: Trên 35.300 ha, trong đó: Khoanh nuôi chuyển tiếp 10.793 ha; khoanh nuôi mới 24.540 ha.

- Trồng rừng mới: 15.000 ha, trong đó: Trồng rừng phòng hộ, đặc dụng 1.000 ha; trồng rừng sản xuất 13.500 ha (trồng cây Quế 5.000 ha, trồng rừng sản xuất cây gỗ lớn 8.500 ha); trồng 500.000 cây phân tán (tương đương 500 ha)”.

c) Điều chỉnh khoản 1 mục III Điều 1 như sau: Quy hoạch 3 loại rừng

Điều chỉnh diện tích đất lâm nghiệp từ 680.299,8 ha xuống còn 589.395 ha, giảm 90.904,8 ha, trong đó: Rừng đặc dụng giữ nguyên 41.275 ha; rừng phòng hộ điều chỉnh từ 360.893,3 ha xuống 268.450 ha, giảm 92.443,3 ha; rừng sản xuất điều chỉnh từ 278.131,5 ha lên 279.670 ha, tăng 1.538,5 ha. Cụ thể:

- Rừng đặc dụng 41.275 ha. Giữ nguyên diện tích thuộc Vườn quốc gia Hoàng Liên tại huyện Tân Uyên 7.500 ha; diện tích quy hoạch khu rừng đặc dụng huyện Mường Tè 33.775 ha.

- Rừng phòng hộ: Điều chỉnh từ 360.893,3 ha xuống 268.450 ha, giảm 92.443,3 ha, trong đó:

+ Rừng phòng hộ đầu nguồn từ 304.593,3 ha xuống 226.571 ha, giảm 78.022,3 ha.

+ Rừng phòng hộ đầu nguồn kết hợp phòng hộ khu vực biên giới từ 54.600 ha xuống 40.614 ha, giảm 13.986 ha.

+ Rừng phòng hộ đầu nguồn kết hợp bảo vệ môi trường từ 1.700 ha xuống 1.265 ha, giảm 435 ha.

- Rừng sản xuất: Điều chỉnh từ 278.131,5 ha lên 279.670 ha, tăng 1.538,5 ha, trong đó:

+ Đất quy hoạch trồng rừng nguyên liệu, khoanh nuôi tái sinh tự nhiên, vườn cây vườn rừng từ 81.452 ha xuống 80.767 ha, giảm 685 ha, trong đó: Đất quy hoạch trồng rừng nguyên liệu giấy, ván dăm, ván ghép thanh 80.767 ha (không thay đổi); đất quy hoạch vườn cây, vườn rừng từ 685 ha xuống 0 ha, giảm 685 ha.

+ Đất có rừng tự nhiên, rừng trồng cần bảo vệ từ 117.949,8 ha lên 194.215,62 ha, tăng 76.265,82 ha.

+ Đất trống quy hoạch cho lâm nghiệp chưa sử dụng từ 78.729,7 ha xuống 4.687,38 ha, giảm 74.042,32 ha.

Chi tiết kết quả điều chỉnh quy hoạch 3 loại rừng theo đơn vị hành chính cấp huyện tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định này.

3. Bổ sung mục VI-a Điều 1 như sau:

“VI-a. Danh mục dự án dự kiến chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác

1. Dự kiến chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với 1.597,86 ha rừng để thực hiện 308 dự án trên địa bàn tỉnh, cụ thể như sau:

- Rừng tự nhiên 1303,21 ha, trong đó: Rừng đặc dụng 42,16 ha, rừng phòng hộ 657,51 ha, rừng sản xuất 603,54 ha;

- Rừng trồng 294,65 ha, trong đó: Rừng phòng hộ 30,17 ha, rừng sản xuất 264,48 ha.

2. Chi tiết vị trí, diện tích, loại rừng dự kiến chuyển mục đích sử dụng rừng từng dự án tại Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định này.

3. Chủ đầu tư các dự án phải thực hiện đầy đủ các trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật về chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác và thực hiện nghĩa vụ trồng rừng thay thế theo quy định, bù lại diện tích rừng đã chuyển mục đích sử dụng, đảm bảo chức năng rừng và tỷ lệ che phủ rừng.”

4. Điều chỉnh nội dung Tổ chức thực hiện tại mục VII Điều 1 như sau:

“1. Sở Nông nghiệp và PTNT chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành và UBND các huyện, thành phố tổ chức thực hiện quy hoạch điều chỉnh đã được phê duyệt. Tổng hợp kết quả điều chỉnh quy hoạch gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Nông nghiệp và PTNT để tích hợp Quy hoạch tỉnh, Quy hoạch lâm nghiệp quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì cập nhật nội dung điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Lai Châu, giai đoạn 2011-2020 trong dự thảo Quy hoạch tỉnh Lai Châu thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

3. Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT hướng dẫn Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố rà soát quy hoạch sử dụng đất và giao, cho thuê đất lâm nghiệp phù hợp với mục tiêu, nhiệm vụ của quy hoạch. Đẩy nhanh tiến độ việc thực hiện giao đất, cho thuê đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp thống nhất, đồng bộ với giao rừng, cho thuê rừng, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng rừng. Rà soát, điều chỉnh Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo chức năng của quy hoạch 3 loại rừng điều chỉnh.

4. Cục Thống kê chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT và các ngành liên quan xác định nội dung, tiêu chí và chỉ số giám sát đánh giá ngành lâm nghiệp; chỉ đạo, hướng dẫn các Chi cục Thống kê khu vực phối hợp chặt chẽ với cơ quan chuyên ngành về lâm nghiệp tại địa phương thực hiện thống kê, kiểm kê rừng đảm bảo thống nhất, đồng bộ.

5. Các sở, ngành, đoàn thể tỉnh có trách nhiệm tuyên truyền, hướng dẫn cán bộ, công chức, viên chức, chiến sỹ, đoàn viên, hội viên và các tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện nội dung quy hoạch 3 loại rừng đã được điều chỉnh.

6. UBND các huyện, thành phố có trách nhiệm tổ chức thực hiện theo ranh giới 3 loại rừng đã được điều chỉnh, xây dựng kế hoạch phát triển lâm nghiệp trên địa bàn. Các dự án lâm nghiệp tại địa phương phải lồng ghép với các dự án xóa đói giảm nghèo, phát triển nông nghiệp và nông thôn.”

Điều 2. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Tư pháp; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 07 tháng 7 năm 2023.

2. Quyết định số 47/2022/QĐ-UBND ngày 09/12/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh kéo dài thời hạn thực hiện và điều chỉnh một số nội dung Quyết định số 17/2012/QĐ-UBND ngày 20/8/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Lai Châu, giai đoạn 2011-2020 hết hiệu lực từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Công báo tỉnh; Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, Kt1, Kt9.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Hà Trọng Hải